TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUYÊN QUANG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **365**/2023/QĐST-HNGĐ	*TP.Tuyên Quang, ngày 13 tháng 11 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 299/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh **Trần Khánh D**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà 3, đường Q, tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Chị **Lê Thu H**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Số nhà 3, đường Q, tổ 17, phường P, thành phố T, tỉnh T.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Khánh D và chị Lê Thu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Lê Thảo N, sinh ngày 05/5/2019 cho chị Lê Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Anh Trần Khánh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thu H số tiền 2.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng kể từ tháng 11/2023 cho đến khi con Trần Lê Thảo N đủ 18 tuổi. Anh Trần Khánh D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tr□ờng hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t□ơng ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền đ□ợc thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, đất đai: Anh Trần Khánh D và chị Lê Thu H đều xác định không có, không để nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Trần Khánh D và chị Lê Thu H đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Trần Khánh D tự nguyện nộp 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng, tổng cộng anh Trần Khánh D phải nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trực tuyến là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000000721391 ngày 17/10/2023 tại Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam (tương ứng với Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001043 ngày 18 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang). Anh Trần Khánh D đã nộp đủ án phí của vụ án.

Chị Lê Thu H không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND thành phố Tuyên Quang;
- THADS thành phố Tuyên Quang;
- UBND phường Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đào Thị Thu Thủy